

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Thành phố Q - Tỉnh BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 15/2019/KDTM-ST

Ngày: 24-4-2019

V/v hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đông Thiên
- *Các hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Bà Trần Thị Bích Hợp
 - 2. Bà Hoàng Thị Thành
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Thân Trọng Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q
- *Đại diện VKSND thành phố Q:* Bà Nguyễn Hồng Phúc - kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2017/TLST-DS ngày 09.5.2018 về việc “hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX-ST ngày 01.3.2019 giữa:

* Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP Đ
Địa chỉ: 130 đường P, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chủ tịch HĐQT
Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T1 - Giám đốc phòng giao dịch P, Chi nhánh Bình Định
(Theo Quyết định ủy quyền số: 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016; Số 899/ QĐ-DAB-PC ngày 21/5/2016).

Địa chỉ: Tổ A, KV B, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định

* Bị đơn : Chị Nguyễn Hồng A, sinh năm 1991
Địa chỉ: Tổ C, KV D, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phùng Thị T2, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ C, KV D, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ E, KV F, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Chị Dương Thị Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ E, KV F, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Anh T1 có mặt; bị đơn chị A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2, chị D, chị Đ vắng mặt; trong đó chị D, chị Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05.4.2018 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền phía nguyên đơn anh Trần Đình T1 trình bày:

Ngày 09/06/2014 chị Nguyễn Hồng A có vay vốn tại ngân hàng TMCP Đ - CN Bình Định - Phòng giao dịch P như sau: Hợp đồng số: 0077332701T14064 ngày vay 09/06/2014 ngày đến hạn 09/06/2015, Số tiền vay: 20.000.000 đồng, Thời hạn vay: 12 tháng, Lãi suất: 12%/năm mục đích vay: kinh doanh, tài sản đảm bảo: tín chấp, số tiền trả góp hàng tháng là: 1.920.000 đồng trong 11 tháng đầu và tháng cuối trả 1.280.000 đồng. Với số tiền vay, lãi suất và kỳ hạn như trên thì chị Nguyễn Hồng A phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 22.400.000 đồng (trong đó, vốn gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng). Tính đến ngày 05/08/2014 chị Nguyễn Hồng A mới trả số tiền 1.920.000 đồng (vốn 1.550.769 đồng, lãi trong hạn 369.231 đồng, lãi quá hạn 0 đồng).

Đến ngày 02/04/2018 khoản vay vốn trên đã quá thời hạn thanh toán lãi vay và vốn gốc trên 30 tháng kể từ ngày 09/06/2015. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ và làm việc trực tiếp nhưng chị A vẫn không trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Hồng A thanh toán số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 24.4.2019 là 34.722.333 đồng, trong đó, nợ gốc: 18.449.231 đồng, lãi trong hạn: 2.030.769 đồng, lãi quá hạn: 14.242.333 đồng và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 24.4.2019 đến khi chị A trả hết nợ theo hợp đồng vay. nếu chị A không trả được nợ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị T2 (bảo lãnh) có nghĩa vụ trả nợ thay chị A số tiền trên.

** Bị đơn chị Nguyễn Hồng A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị T2 không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai không được, xác minh tại địa phương, tổng đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị là Chủ tịch Hội phụ nữ phường B, thành phố Q; giữa Hội phụ nữ phường B với ngân hàng TMCP Đ có liên kết cho phụ nữ phường vay vốn hỗ trợ kinh doanh thông qua hợp đồng liên kết số 13.2014/ HĐLK-HPN-234 ngày 03.4.2014. Hội phụ nữ phường B có xét duyệt cho chị A vay số tiền 20.000.000đ, còn cụ thể chị A trả gốc và lãi theo định kỳ ngân hàng thông qua tổ phụ nữ khu vực, hiện nay chị A còn nợ bao nhiêu chị không biết. Nay qua yêu cầu phía ngân hàng, chị đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Đ trình bày:

Chị là tổ trưởng tổ phụ nữ vay vốn tự quản KV D thuộc Hội phụ nữ phường B, thành phố Q, thông qua quyết định thành lập tổ phụ nữ vay vốn tự quản ngày 08.4.2014. Sau khi chị A được hội phụ nữ phường vay vốn và có xét duyệt cho chị A vay số tiền 20.000.000đ, còn cụ thể chị A trả gốc và lãi theo định kỳ ngân hàng thông qua tổ phụ nữ khu vực và chị A trả được 1 kỳ số tiền 1.920.000đ, chị trực tiếp thu và đem nộp trực tiếp cho ngân hàng. Hiện nay chị A còn nợ bao nhiêu gốc và lãi chị không biết. Nay qua yêu cầu phía ngân hàng, chị đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên Tòa phát biểu:

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Buộc chị Nguyễn Hồng A có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP Đ. Nếu chị A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà T2 có nghĩa vụ trả nợ thay cho chị A theo cam kết trong hợp đồng. Án phí chị A phải chịu án phí KDTM theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng TMCP Đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu khởi kiện, tại thời điểm thụ lý áp dụng Điều 26 BLTTDS-2015 xác định quan hệ pháp luật là “hợp đồng vay tài sản” nhưng qua lời trình bày của các đương sự, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa; căn cứ Điều 30 BLTTDS-2015 xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “hợp đồng tín dụng”

[2] Về nội dung:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Bình Định - Phòng giao dịch P (gọi tắt là Ngân hàng) có cho chị Nguyễn Hồng A vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, Lãi suất: 12%/năm, mục đích vay: kinh doanh, tài sản đảm bảo: tín chấp, số tiền trả góp hàng tháng là: 1.920.000 đồng trong 11 tháng đầu và tháng cuối trả 1.280.000 đồng. Với số tiền vay, lãi suất và kỳ hạn như trên thì chị Nguyễn Hồng A phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 22.400.000 đồng (trong đó, vốn gốc là 20.000.000đồng, tiền lãi 2.400.000đồng) theo hợp đồng số: 0077332701T14064, ngày 09/06/2014.

Từ khi vay cho đến ngày 05/08/2014 chị Nguyễn Hồng A mới trả số tiền 1.920.000 đồng (vốn 1.550.769 đồng, lãi trong hạn 369.231 đồng, lãi quá hạn 0 đồng),

sau đó chị A không thanh toán gốc và lãi theo quy định và hiện nay đã quá hạn. Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Đình T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị A phải trả toàn bộ số tiền vốn gốc và lãi vay, tính đến ngày 24.4.2019 là 34.722.333 đồng, trong đó, nợ gốc: 18.449.231 đồng, lãi trong hạn: 2.030.769 đồng, lãi quá hạn: 14.242.333 đồng và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 24.4.2019 đến khi chị A trả hết nợ theo hợp đồng vay, nếu chị A không trả được nợ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị T2 (bảo lãnh) có nghĩa vụ trả nợ thay chị A.

Xét yêu cầu của anh T1 là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên Tòa phát biểu về nội dung vụ án phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chị Nguyễn Hồng A phải chịu 3.000.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự - 2015

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự - 2015

Căn cứ vào các Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Hồng A có nghĩa vụ trả số tiền là **34.722.333 đồng** Trong đó, tiền vốn: 18.449.231 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.030.769 đồng, tiền lãi quá hạn: 14.242.333 đồng tính đến ngày 24.4.2019 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Nếu chị Nguyễn Hồng A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á thì bà Phùng Thị T2 (người bảo lãnh) có nghĩa vụ trả nợ thay cho chị Nguyễn Hồng A theo cam kết trong hợp đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí KDTM - ST:

- Chị Nguyễn Hồng A phải chịu 3.000.000 đồng

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ 402.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu **số 0000099 ngày 09 tháng 5 năm 2018** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Đông Thiên